TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 04 năm 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thắng.

Bà Nguyễn Thị Kim H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Khôi – Thư ký TAND khu vực 1 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Vương Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi cũ, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 364/2025/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/03/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: thôn BS, xã PNL, tỉnh Hưng Yên

Nơi ở hiện tại: 5-6-6 Minami Zato – Kasuya Shimemachi - tỉnh Fukuoka – Nhật Bản.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: thôn BS, xã PNL, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện tại: 1F -68 – 426 – I – Meishi –Yangmei – Taoyuan – Đài Loan.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Nguyễn Đ Đ, sinh ngày 10/7/2014.

Người đại diện cho cháu Đ: Anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thu H (là bố đẻ và mẹ đẻ).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: thôn BS, xã PNL, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: thôn ĐT, xã ĐP, tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự và người làm chứng đều xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ và các lời khai của anh Đ, chị H trong quá trình tố tụng thể hiện:

Anh Đ, chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 23/12/2013. Sau khi kết hôn thì chị H và nhà anh Đ chung sống cùng gia đình anh Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2018 anh Đ đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, vẫn nhắn tin, gọi điện và gửi tiền về cho gia đình hàng tháng. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên khoảng tháng 4 năm 2022 anh mới về nước. Sau khi anh về nước thì có bảo với vợ là cùng sang Nhật Bản làm kinh tế, tuy nhiên vợ anh không đồng ý, chị H muốn sang Đài Loan lao động, làm kinh tế. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đến tháng 5 năm 2022 anh tiếp tục đi Nhật Bản còn chị H đến khoảng đầu năm 2023 đi Đài Loan lao động. Từ đó vợ chồng ít nhắn tin, gọi điện, thăm hỏi, quan tâm lẫn nhau và dần không nói chuyện với nhau nữa, cắt đứt liên lạc. Đã gần 03 năm nay, vợ chồng không gặp nhau. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh cũng đã kết nối, nói chuyện, đưa ra những cách thức để vợ chồng hàn gắn tình cảm, quay về cùng chung sống với nhau, cùng tập trung kinh tế và nuôi dạy con chung nhưng chị H không có mong muốn hàn gắn tình cảm. Anh chị nói chuyện được với nhau vài câu là không nói chuyện được nữa. Do vậy, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết và không thể chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để mỗi bên ổn định cuộc sống. Tháng 03/2025 chị H về nước nhưng cũng không gặp anh Đ. Biết tin vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn, bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhưng không cải thiện được tình hình. Nay anh Đ đã làm đơn xin ly hôn thì chị H cũng đồng ý ly hôn để mỗi bên ổn định cuộc sống.

Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đ Đ, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu Đg ở với ông bà nội ở thôn BS, xã PNL (bố mẹ đẻ anh Đ). Vợ chồng anh chị đã thống nhất được với nhau để anh Đ được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đ không yêu cầu. Do anh Đ Đg ở xa không có điều kiện trực tiếp nuôi con nên trước mắt anh Đ sẽ nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc cháu. Hàng tháng anh sẽ gửi tiền về cho bố mẹ nuôi con khoảng 10.000.000 đồng. Khi nào anh về nước anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Về vấn đề tài sản chung, công nợ: Anh Đ, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn L – bố đẻ của anh Đ: Anh Đ, chị H ở cùng nhà với gia đình ông. Thời gian đầu chung sống, anh chị ấy không có mâu thuẫn gì. Khoảng vài năm đầu sau khi cưới thì anh Đ đi làm công ty còn chị H ở nhà chăm sóc con nhỏ. Năm 2018, anh Đ đi Nhật Bản để cải thiện kinh tế gia đình. Anh Đ vẫn gọi điện và gửi tiền về cho gia đình để lo cuộc sống. Năm 2022, anh Đ về nước khoảng 01 tháng, vợ chồng có bàn nhau để chị H cũng đi nước ngoài xuất khẩu lao động. Anh Đ bảo chị H đi Nhật Bản nhưng chị H cương quyết muốn đi Đài Loan.Vợ chồng bất đồng quan điểm, trục trặc từ đó, ít nói chuyện với nhau. Sau đó anh Đ đi lao động tại Nhật Bản, còn chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay. Tháng 03/2025 có về Việt Nam một lần. Hai bên gia đình cũng đã động viên, khuyên bảo vợ chồng anh Đ hàn gắn tình cảm với nhau rất nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng anh chị ấy vẫn dần xa cách. Ông mong muốn anh chị về đoàn tụ, nuôi dạy con chung, còn anh Đ, chị H quyết định như thế nào là quyền của anh chị. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đ Đ, sinh ngày 10/7/2014. Từ bé đến giờ cháu Đ Đg ở với ông. Anh Đ, chị H vẫn gọi điện về cho ông hỏi thăm con và gửi tiền về nuôi con. Trường hợp anh chị ly hôn thì ông vẫn tiếp tục hỗ trợ anh Đ, chị H nuôi dưỡng, chăm sóc con cho đến khi anh chị về nước.

Lời khai của ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Nh – là bố mẹ đẻ của chị H: Anh chị kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, giữa năm 2022, ông bà nghe tin vợ chồng anh chị trục trặc, mâu thuẫn vì anh Đ muốn vợ cùng sang Nhật Bản nhưng chị H không đồng ý mà muốn đi Đài Loan. Hai gia đình đã khuyên bảo, giảng hoà nhưng không được. Sau đó anh Đ đi Nhật Bản, chị H đi Đài Loan. Hai anh chị không còn liên lạc và quan tâm tới nhau. Ông bà mong hai vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con cái, nhưng anh chị quyết định thế nào thì tuỳ anh chị. Anh chị có 01 con chung, hiện Đg ở với ông bà nội, trường hợp anh chị ly hôn thì ông bà nội tiếp tục hỗ trợ nuôi cháu cho đến khi anh chị về nước. Giữa hai bên ông bà và vợ chồng anh chị không có tài sản, khoản nợ chung nào.

Việc xác minh tại địa phương:

Bà Trần Thị Hòa - Trưởng thôn BS, xã PNL, tỉnh Hưng Yên: Anh Đ, chị H là người địa phương, hiện anh Đ đi xuất khẩu Nhật Bản, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Hai anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đ Đ, sinh năm 2014. Địa phương không nắm được mâu thuẫn của hai anh chị.

UBND xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 23/12/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2013, số 89. Anh Đ, chị H có con chung và mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Trường hợp anh Đ, chị H ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hưng Yên.

The Công văn số 34/XNC về việc cung cấp thông tin, tài liệu ngày 06/01/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hưng Yên: Anh Đ xuất cảnh ngày 05/01/2026; chị H xuất cảnh ngày 27/4/2025, hiện đều chưa nhập cảnh.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, người làm chứng có đơn và đều xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên đã tiến hành các hoạt động tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đã đảm bảo theo quy định của BLTTDS năm 2015.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đều đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu H.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án công nhận sự thoả thuận của anh Đ, chị H, giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H được quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền L của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Thu H. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên và hiện nay anh Đ Đg lao động tại Nhật Bản, chị H Đg lao động tại Đài Loan. Do vậy căn cứ vào Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự, người làm chứng đều vắng mặt, nhưng anh Đ, chị H, người làm chứng đề nghị Tòa xét xử vắng mặt. Xét thấy, đó là ý trí tự nguyện của anh Đ, chị H, người làm chứng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Anh Đ và chị H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 23/12/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/2013 đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị H đều xác định khoảng giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ, chị H bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thống nhất về làm ăn kinh tế. Vì vậy, vợ chồng từ đó ít quan tâm, nhắn tin, gọi điện và dần không nói chuyện với nhau nữa, cắt đứt liên lạc. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã rất cố gắng và gia đình đã hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa hợp. Đã 03 năm nay, anh Đ, chị H không gặp nhau. Nay anh Đ, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên đã thống nhất đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, anh chị đều đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Đ và chị H là phù hợp pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị H có 01 con chung là Nguyễn Đ Đ, sinh ngày 10/7/2014. Hiện nay cháu Đg ở với ông bà nội. Anh Đ, chị H thống nhất để anh Đ

được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ đến tuổi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đ không yêu cầu. Sự thỏa thuận của anh Đ, chị H là phù hợp với thực tế cháu Đ Đg ở với ông bà nội, hơn nữa anh Đ và gia đình anh Đ vẫn đảm bảo điều kiện vật chất, tinh thần cho cháu Đ nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đ, chị H. Tuy nhiên, hiện nay anh Đ Đg sinh sống, lao động tại Nhật Bản, bố mẹ anh Đ Đg giúp anh Đ trông nom, cháu sóc cháu Đ và anh Đ, chị H thống nhất nhờ ông bà nội trông nom, chăm sóc giúp trong thời gian anh Đ ở Nhật Bản, ông L (bố đẻ của anh Đ) cũng nhất trí nên tạm giao cho ông L trông nom, chăm sóc hai cháu cho đến khi anh Đ về Việt Nam đón cháu.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Đ, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn của anh Đ.

[6]. Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các điều 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán -Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Công nhận sự thoản thuận về con chung giữa anh Đ và chị H: Giao cháu Nguyễn Đ Đ, sinh ngày 10/7/2014 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đ đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ thay anh Đ cho đến khi anh Đ về Việt Nam đón các cháu.

Công nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở; nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên kia.

Vì quyền L của con chung, anh Đ, chị H hoặc tổ chức cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chịu 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004223 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả anh Nguyễn Văn Đ 150.000đồng tiền tạm ứng án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh Đ, chị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 01 tháng kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái